

Nam Đông, ngày 01 tháng 7 năm 2020

Số: 10/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Ông Trần Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà A đường KT, tổ dân phố B, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về chia tài sản chung sau ly hôn: Ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L có tài sản chung yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 149,2m² đất ở tọa lạc tại cụm 3, khu vực 1, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Số nhà A đường KT, tổ dân phố B, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế) được Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/6/2004 đứng tên Trần Đ, Nguyễn Thị L. Hiện nay diện tích đất ở còn lại sau khi Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành thu hồi là 148,3m² đất ở.

- Các tài sản gắn liền với thửa đất:

Thứ nhất: 01 mái che kết cấu trụ bê tông, mái lợp tôn đỡ xà gỗ sắt, chiều dài 4,88m, chiều rộng 6,06m, tổng cộng 29,6m².

Thứ hai: 01 ngôi nhà gỗ 2 gian gỗ lim, mái lợp ngói xi măng, nền tráng xi măng, chiều dài 6,3m, chiều rộng 5,3m, tổng cộng 33,4m².

Thứ ba: 01 ngôi nhà xây cấp 4 kết cấu bê tông cốt thép, chiều rộng 5,5m, chiều dài 10,32m; tổng diện tích 56,8m², trong ngôi nhà này chia thành 2 phần.

Nhà chính: Kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp ngói, đóng la phong, nền lát gạch, trong nhà chính có 01 phòng ngủ và 01 nhà bếp, chiều rộng 5,5m, chiều dài 7,17m, tổng cộng 39,4m².

Nhà phụ: Gắn liền với nhà chính có trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, đóng la phong, trong nhà phụ có phòng vệ sinh, phòng tắm, chiều rộng 5,5m, chiều dài 3,15m, tổng cộng 17,4m².

Ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận như sau: Ông Trần Đ giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 08, tờ bản đồ số 09, diện tích 149,2m² đất ở tọa lạc tại cụm 3, khu vực 1, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là số nhà A đường KT, tổ dân phố B, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế) được Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/6/2004 đứng tên Trần Đ, Nguyễn Thị L. Hiện nay diện tích đất ở còn lại sau khi Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành thu hồi là 148,3m² đất ở.

Ông Trần Đ giao cho bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu các tài sản gắn liền với thửa đất gồm:

Thứ nhất: 01 mái che kết cấu trụ bê tông, mái lợp tôn đỡ xà gỗ sắt, chiều dài 4,88m, chiều rộng 6,06m, tổng cộng 29,6m².

Thứ hai: 01 ngôi nhà gỗ 2 gian gỗ lim, mái lợp ngói xi măng, nền tráng xi măng, chiều dài 6,3m, chiều rộng 5,3m, tổng cộng 33,4m².

Thứ ba: 01 ngôi nhà xây cấp 4 kết cấu bê tông cốt thép, chiều rộng 5,5m, chiều dài 10,32m; tổng diện tích 56,8m², trong ngôi nhà này chia thành 2 phần.

Nhà chính: Kết cấu bê tông cốt thép, mái lợp ngói, đóng la phong, nền lát gạch, trong nhà chính có 01 phòng ngủ và 01 nhà bếp, chiều rộng 5,5m, chiều dài 7,17m, tổng cộng 39,4m².

Nhà phụ: Gắn liền với nhà chính có trụ bê tông cốt thép, mái lợp tôn, đóng la phong, trong nhà phụ có phòng vệ sinh, phòng tắm, chiều rộng 5,5m, chiều dài 3,15m, tổng cộng 17,4m².

Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

b. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất: Ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận giá trị tài sản là 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

c. Thời hạn thanh toán số tiền:

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đ thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Đ một phần hai giá trị tài sản là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 30/8/2020.

Ông Trần Đ có nghĩa vụ giao bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L để bà Nguyễn Thị L làm các thủ tục kê khai biến động đất theo quy định của pháp luật vào ngày 30/8/2020.

d. Việc lưu cư: Ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận: Ông Trần Đ được lưu cư từ ngày 23/6/2020 cho đến ngày 30/8/2020, sau ngày 30/8/2020 thì ông Trần Đ phải chuyển đi cư trú ở chỗ khác để giao lại tài sản cho bà Nguyễn Thị L.

- Về chi phí tố tụng: Ông Trần Đ và bà Nguyễn Thị L thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị L chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với số tiền 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ số tiền này.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đ thỏa thuận:

Ông Trần Đ phải chịu 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự mà bà Nguyễn Thị L đã nộp 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000728 ngày 03/01/2020 và số tiền 2.760.000đ (Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008251 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Nguyễn Thị L còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự là 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Sau khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Đ (Đối với khoản tiền mà bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Đ) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Minh Thước